



Ký bởi: Bộ Y tế
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 24-10-2022
10:29:31 +07:00

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2899 /QĐ - BYT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt bổ sung khoa, danh mục kỹ thuật đối với
Bệnh viện đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ - CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ - CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013;

Xét Biên bản thẩm định thành lập bổ sung khoa, DMKTCM ngày 14/10/2022 của Hội đồng thẩm định Bộ Y tế đối với Bệnh viện đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh theo Đơn đề nghị ghi ngày 16/8/2022 của Bệnh viện đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ: 2B Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện các nội dung sau:

- Bổ sung các phòng khám chuyên khoa: Ngoại Thần kinh, Ngoại nhi vào cơ cấu tổ chức của Khoa Khám bệnh của Bệnh viện;

- Thành lập mới khoa Ngoại Thần kinh (04 giường bệnh tách ra từ khoa Ngoại tổng hợp) bổ sung vào cơ cấu tổ chức của Bệnh viện theo quy định tại Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;

- Tổng số giường bệnh nội trú 117 giường, cụ thể từng khoa như sau: khoa Hồi sức tích cực (07 giường bệnh); khoa Tim mạch (09 giường bệnh); khoa Nội Thần kinh (07 giường bệnh); khoa Nội tổng hợp (06 giường bệnh); khoa Ngoại tổng hợp (06 giường bệnh); khoa Ngoại Thần kinh (04 giường bệnh); khoa Phụ sản (15 giường bệnh); khoa Sơ sinh (04 giường bệnh); khoa Nhi (04 giường bệnh); khoa Gây mê Hồi sức (17 giường); khoa Chấn thương chỉnh hình (15 giường); khoa Ung bướu (04 giường); khoa Tiết niệu Thận học - Nam khoa (08 giường bệnh); khoa Tai Mũi Họng (06 giường bệnh); khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng (05 giường bệnh); khoa Dinh dưỡng; khoa

Kiểm soát nhiễm khuẩn; Khoa Khám bệnh; Khoa Chẩn đoán hình ảnh; Khoa Xét nghiệm; Khoa Dinh dưỡng; Khoa Dược. Các phòng chức năng: phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng Quản lý chất lượng, phòng Chăm sóc khách hàng, phòng Điều dưỡng, phòng Hành chính - Nhân sự, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Vận hành, Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung 216 kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT - BHYT ngày 11/12/2013 và Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

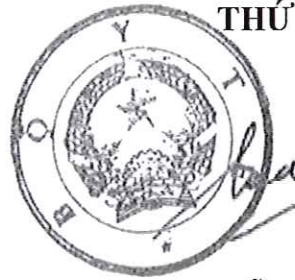
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh (để p/h thực hiện);
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn



Ký bởi: Bộ Y tế
Cơ quan: Bộ Y tế
Ngày ký: 24-10-2022
10:30:14 +07:00

**BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂM ANH TP. HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2899 /QĐ – BYT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thay thay đổi, bổ sung khoa, danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện đa khoa Tâm Anh TP. Hồ Chí Minh)

III. NHI KHOA

(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
1.	727	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm corticoid trong sẹo, dưới sẹo
		IX. MẮT
2.	1643	Tiêm cortison điều trị u máu
3.	1644	Áp lạnh điều trị u máu
		XI. TAI MŨI HỌNG
		A. TAI
4.	2081	Phẫu thuật giảm áp dây thần kinh VII
5.	2113	Phẫu thuật áp xe não do tai
		XIV. LAO (NGOẠI LAO)
6.	2393	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống ngực
7.	2394	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống lưng-thắt lưng
		XV. UNG BƯỚU- NHI
		A. ĐẦU CŨ
8.	2443	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm
9.	2444	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm
10.	2455	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên
11.	2460	Cắt u não có sử dụng vi phẫu
12.	2461	Cắt u não không sử dụng vi phẫu
13.	2462	Cắt u não có sử dụng kỹ thuật định vị
14.	2463	Cắt u não không sử dụng kỹ thuật định vị
15.	2465	Phẫu thuật mở cắt u màng não đơn giản dưới kỹ thuật định vị
16.	2467	Cắt u vùng hố yên

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
17.	2472	Cắt u màng não nền sọ
18.	2473	Cắt u não vùng hố sau
19.	2474	Cắt u liềm não
20.	2475	Cắt u lều tiểu não
21.	2478	Cắt u não thất
22.	2479	Cắt u bán cầu đại não
23.	2481	Cắt u tuỷ
24.	2485	Cắt u vùng đuôi ngựa
25.	2486	Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tuỷ
26.	2487	Cắt u đốt sống ngoài màng cứng
27.	2490	Cắt u dây thần kinh ngoại biên
		D. TAI – MŨI – HỌNG
28.	2568	Cắt u dây thần kinh VIII
29.	2602	Cắt u cuộn cảnh
		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ
		A. THỦ THUẬT CHĂM SÓC DA ĐIỀU TRỊ VÀ THẨM MỸ
30.	2897	Đắp mặt nạ điều trị
31.	2898	Đắp mặt nạ dưỡng da
32.	2899	Chăm sóc da điều trị
33.	2900	Chăm sóc da thẩm mỹ
		B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ
34.	2957	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi phức tạp
35.	2959	Tiêm Acid hyaluronic làm đầy nếp nhăn, sẹo lõm
36.	2960	Xóa xăm bằng Laser YaG, Rubi, IPL, ...
37.	2961	Tái tạo da mặt bằng hóa chất
38.	2962	Tái tạo da mặt bằng Laser
39.	2963	Mài da mặt bằng laser CO2 siêu xung, máy mài da...
40.	2971	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất
41.	2972	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung
42.	2973	Điều trị sẹo lõm bằng chám TCA
43.	2974	Điều trị sẹo lõm bằng giải phóng các dải xơ dính
44.	2975	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		XVIII. DA LIỄU
		A. NỘI KHOA DA LIỄU
45.	2991	Tái tạo da mặt bằng hóa chất
46.	2998	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da
47.	3002	Áp nitơ lỏng các khối u lành tính ngoài da
48.	3008	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất
49.	3009	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic
50.	3010	Châm TCA điều trị sẹo lõm
		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU
51.	3016	Tiêm Botulinum toxin điều trị chứng ra nhiều mồ hôi nách, tay, chân
52.	3017	Tái tạo da mặt bằng Laser
53.	3022	Plasma hóa các khối u lành tính ngoài da
54.	3023	Thay băng người bệnh chột, loét da dưới 20% diện tích cơ thể
55.	3024	Thay băng người bệnh chột, loét da trên 20% diện tích cơ thể
56.	3025	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể
57.	3026	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể
58.	3027	Điều trị sẹo xấu bằng Laser
59.	3028	Điều trị sẹo lõm bằng laser CO2 siêu xung
60.	3029	Cắt các dải xơ dính điều trị sẹo lõm
		XIX. NGOẠI KHOA
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO
61.	3062	Dẫn lưu não thất
62.	3064	Phẫu thuật áp xe não
63.	3065	Phẫu thuật thoát vị não và màng não
64.	3066	Phẫu thuật tràn dịch não, nang nước trong hộp sọ
65.	3067	Phẫu thuật viêm xương sọ
66.	3068	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não
67.	3069	Khâu vết thương xoang tĩnh mạch dọc trên, xoang tĩnh mạch trên, xoang hơi trán
68.	3070	Phẫu thuật vết thương sọ não hở
69.	3072	Phẫu thuật mở nắp sọ giải áp, lấy máu tụ và chùng màng cứng

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
70.	3073	Phẫu thuật giải phóng chèn ép tủy
71.	3074	Nhắc xương đầu lún qua da ở trẻ em dưới 1 tuổi
72.	3075	Phẫu thuật nhắc xương lún
73.	3076	Bơm rửa khoang não thất
74.	3078	Đặt catheter não đo áp lực trong não
75.	3079	Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm
76.	3080	Phẫu thuật thoát vị màng não tủy vùng lưng/cùng cụt chưa vỡ
		XXVIII. NGOẠI KHOA (TT21)
77.	4228	Phẫu thuật thoát vị tủy - màng tủy hở
78.	4229	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - tâm nhĩ
79.	4230	Phẫu thuật dẫn lưu dưới màng cứng - màng bụng
80.	4231	Phẫu thuật dẫn lưu thất lưng liên tục
81.	4232	Phẫu thuật bóc bao áp xe não
82.	4238	Phẫu thuật nội soi phá sàn não thất III + Đốt đám rối mạch mạc
83.	4240	Tạo hình khuyết xương bẩm sinh

V. DA LIỄU

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		B. NGOẠI KHOA
		1. Thủ thuật
84.	5	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO2
85.	6	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO2
86.	7	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO2
87.	8	Điều trị dày sừng da dầu bằng Laser CO2
88.	9	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO2
89.	10	Điều trị sần cục bằng Laser CO2
90.	11	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO2
91.	12	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma
92.	13	Điều trị hạt cơm bằng Plasma

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
93.	14	Điều trị u mềm treo bằng Plasma
94.	15	Điều trị dày sừng da dầu bằng Plasma
95.	16	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma
96.	17	Điều trị sản cục bằng Plasma
97.	18	Điều trị bớt sùi bằng Plasma
98.	19	Điều trị hạt cơm bằng Nitơ lỏng
99.	20	Điều trị sản cục bằng Nitơ lỏng
100.	21	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng
101.	22	Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng
102.	23	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da
103.	24	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn
104.	45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện
105.	46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện
106.	47	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện
107.	48	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện
108.	49	Điều trị sản cục bằng đốt điện
109.	50	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện
110.	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn
		2. Phẫu thuật
111.	67	Sinh thiết hạch, cơ, thần kinh và các u dưới da
112.	71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da
		C. ỨNG DỤNG SẢN PHẨM TỪ CÔNG NGHỆ TẾ BÀO GỐC
113.	74	Điều trị bệnh râm má bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
114.	75	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
115.	76	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
116.	77	Điều trị bệnh rụng tóc bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
117.	78	Điều trị bệnh hói bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
118.	79	Điều trị dẫn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
119.	80	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
120.	81	Điều trị rạn da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
121.	82	Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và sản phẩm từ công nghệ tế bào gốc
122.	89	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da
		Đ. THỦ THUẬT
123.	94	Xóa nếp nhăn bằng Laser Fractional, Intracell
124.	96	Trẻ hóa da bằng các kỹ thuật Laser Fractional
125.	97	Điều trị râm má bằng laser Fractional

X. NGOẠI KHOA

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO
		1. Sọ não
126.	2	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở
127.	3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)
128.	4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương
129.	5	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não
130.	6	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)
131.	7	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
132.	8	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
133.	9	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên
134.	10	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
135.	11	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất
136.	12	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
137.	13	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán
138.	14	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ
139.	15	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)
140.	16	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)
141.	17	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não
142.	19	Phẫu thuật đặt catheter vào nhu mô đo áp lực nội sọ
143.	20	Phẫu thuật đặt catheter vào ống sống thắt lưng đo áp lực dịch não tủy
144.	21	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN
145.	23	Phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN
		2. Phẫu thuật nhiễm trùng
146.	25	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não
147.	29	Phẫu thuật viêm xương sọ
148.	32	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ
149.	33	Phẫu thuật tụ mủ dưới màng cứng
150.	34	Phẫu thuật tụ mủ ngoài màng cứng
151.	35	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy
152.	36	Phẫu thuật áp xe dưới màng tủy
153.	37	Phẫu thuật điều trị viêm xương đốt sống
154.	38	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ
		3. Tủy sống
155.	45	Phẫu thuật cắt bỏ đường dò dưới da-dưới màng tủy
156.	46	Phẫu thuật lấy bỏ nang màng tủy (meningeal cysts) trong ống sống bằng đường vào phía sau
157.	54	Phẫu thuật mở cung sau đốt sống đơn thuần kết hợp với tạo hình màng cứng tủy
		4. Dịch não tủy
158.	58	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dẫn não thất
159.	59	Phẫu thuật dẫn lưu não thất-tâm nhĩ trong dẫn não thất
160.	60	Phẫu thuật dẫn lưu dịch não tủy thắt lưng-ổ bụng

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
161.	63	Phẫu thuật mở thông não thất, mở thông nang dưới nhện qua mở nắp sọ
162.	64	Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất)
163.	65	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ
		5. Sinh thiết
164.	72	Phẫu thuật mở nắp sọ sinh thiết tổn thương nội sọ
165.	73	Phẫu thuật sinh thiết tổn thương nội sọ có định vị dẫn đường
		7. Thoát vị não, màng não
166.	77	Phẫu thuật thoát vị não màng não vòm sọ
167.	79	Phẫu thuật thoát vị tủy-màng tủy
		8. Mạch máu
168.	82	Phẫu thuật dị dạng động-tĩnh mạch não
169.	83	Phẫu thuật u máu thể hang (cavernoma) đại não
170.	84	Phẫu thuật u máu thể hang tiểu não
		9. Khối choán chỗ trong, ngoài não
171.	88	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán một bên
172.	89	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán 2 bên
173.	92	Phẫu thuật u vùng tầng giữa nền sọ bằng mở nắp sọ
174.	102	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
175.	104	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ
		10. Nhu mô, đại não
176.	119	Phẫu thuật u đại não bằng đường mở nắp sọ
		11. Nhu mô, tiểu não
177.	120	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ
		12. U ngoài sọ
178.	122	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
179.	124	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ
		14. Đặt điện cực, giảm đau
180.	136	Phẫu thuật lấy bỏ điện cực vỏ não, bằng đường mở nắp sọ
181.	138	Phẫu thuật lấy bỏ điện cực tủy sống bằng đường mở cung sau
182.	143	Phẫu thuật lấy bỏ bộ phát kích thích điện cực thần kinh
		15. Hố mắt
183.	146	Phẫu thuật u xương hốc mắt

XI. BÔNG

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG
		1. Thay băng bông
184.	4	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn
185.	5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
186.	9	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em
187.	10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
		3. Các kỹ thuật khác
188.	77	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng
189.	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt
190.	80	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bông

XII. UNG BƯỚU

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. ĐẦU-CỔ
191.	5	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ phức tạp

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG
192.	18	Phẫu thuật u di căn lên não dưới kỹ thuật định vị
193.	19	Phẫu thuật cắt u màng não, não đơn giản dưới kỹ thuật định vị
194.	21	Cắt u vùng hố yên
195.	26	Cắt u màng não nền sọ
196.	27	Cắt u não vùng hố sau
197.	28	Cắt u liềm não
198.	29	Cắt u lều tiểu não
199.	31	Cắt u góc cầu tiểu não qua đường mê nhĩ
200.	32	Cắt u não thất
201.	33	Cắt u bán cầu đại não
202.	35	Cắt u tuỷ
203.	36	Cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tuỷ
204.	39	Cắt u vùng đuôi ngựa
205.	40	Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tuỷ
206.	41	Cắt u đốt sống ngoài màng cứng
207.	44	Cắt u dây thần kinh ngoại biên

XV. TAI - MŨI - HỌNG

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. TAI - TAI THẦN KINH
208.	11	Phẫu thuật giảm áp dây VII
209.	15	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe não do tai

XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
-----	---------------------	-------------------

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		A. SỌ NÃO - ĐẦU- MẶT- CỔ
		I. Sọ não - Đầu - Mặt
210.	21	Phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ
211.	24	Phẫu thuật bóc bao áp xe não
212.	73	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ dò dịch não tủy

XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ

STT	STT theo TT43& TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT
		Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI
213.	487	Laser điều trị u da
214.	488	Laser điều trị nám da
215.	489	Laser điều trị đồi mồi
216.	490	Laser điều trị nếp nhăn